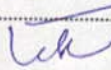
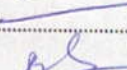
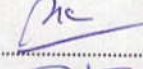
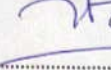
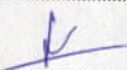
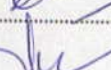
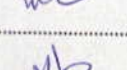
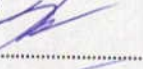
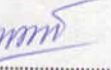
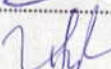
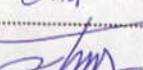
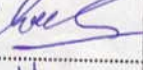


*

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - K1, SỞ Y TẾ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2021- 2023
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC

THI PHẦN E.I: THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Ngày thi: Ngày 04 tháng 6 năm 2023;

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Đoàn Lê Ngọc Anh	31/01/1976	02		42	825	Đầy, hai năm
02	Lê Quang Bá	20/12/1989	02		20	825	Đầy, hai năm
03	Lê Chí Quốc Bảo	28/8/1982	02		34	85	Đầy, hai năm
04	Nguyễn Thị Ngọc Bích	02/3/1981	03		1	80	Tam
05	Võ Phi Bình	03/11/1986	02		33	85	Đầy, hai năm
06	Lại Thái Công	20/5/1984	02		47	825	Đầy, hai năm
07	Nguyễn Hùng Cường	14/3/1988	02		10	825	Đầy, hai năm
08	Nguyễn Đức Dũng	14/10/1978	02		36	85	Đầy, hai năm
09	Lục Công Dương	13/9/1984	02		37	85	Đầy, hai năm
10	Trần Quốc Duy	23/3/1987	02		40	80	Tam
11	Lê Trương Đại	07/10/1987	02		46	875	Đầy, bảy năm
12	Nông Thị Diễm	26/6/1973	02		28	85	Đầy, hai năm
13	Y' Son Êban	24/12/1973	02		11	80	Đầy, hai năm
14	Phạm Thị Hồng Gấm	19/5/1985	02		70	85	Đầy, hai năm
15	Nguyễn Đình Hải	31/7/1985	02		69	85	Đầy, hai năm
16	Phạm Thị Hiền	12/9/1975	02		44	825	Đầy, hai năm
17	Hà Thị Thu Hiền	23/10/1981	03		29	80	Tam
18	Ngô Thị Thanh Hòa	16/4/1976	02		41	85	Đầy, hai năm
19	Nguyễn Thị Kim Hòa	06/9/1988	02		51	85	Đầy, hai năm
20	Trần Hoàn	10/10/1984	02		72	80	Đầy

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Hồ Quang	Hồng	21/9/1985	01		67	785	Kiểm, học năm
22	Cao Mạnh	Hùng	20/10/1981	02		68	75	Kiểm, năm
23	Lê Mạnh	Hùng	26/9/1980	02		7	80	Tam
24	Vương Thị	Hưng	07/7/1977			Đã có Quyết định thôi học		
25	Bùi Quốc	Hương	03/02/1969			Đã có Quyết định thôi học		
26	Nguyễn Thị Thanh	Hương	19/10/1980	03		12	80	Tam
27	Hồ Sỹ	Hương	10/8/1980	02		59	75	Kiểm, năm
28	Nguyễn Thị Thu	Huyền	16/7/1980			Đã có Quyết định thôi học		
29	H' Đum Niê	KDăm	20/6/1983	02		32	75	Kiểm, năm
30	Nguyễn Hữu	Khánh	14/6/1976	02		30	75	Kiểm, năm
31	Võ Thị Bích	Lài	10/10/1984	02		45	75	Kiểm, năm
32	Lương Thị Hoài	Lê	04/4/1983	02		31	75	Kiểm, năm
33	Lê Nguyên Tùng	Linh	06/10/1989	02		22	785	Kiểm, học năm
34	Lê Dương Thùy	Linh	03/12/1977	03		73	75	Kiểm, năm
35	Ngô Thị	Linh	21/4/1988	02		63	75	Kiểm, năm
36	Huỳnh Văn	Lộc	16/10/1969	02		9	75	Kiểm, năm
37	Nguyễn Thị Bạch	Lộc	15/10/1977	02		54	75	Kiểm, năm
38	Thái Thị	Lợi	02/01/1984			Đã có Quyết định thôi học		
39	Bùi Hoàng	Luân	20/6/1991	02		43	75	Kiểm, năm
40	Nguyễn Thị Phương	Mai	21/3/1984	02		27	75	Kiểm, năm
41	Lê Đức	Mạnh	11/10/1978	02		5	50	Năm
42	Trần Thị xuân	Mẫu	21/6/1982	02		48	75	Kiểm, năm
43	Nguyễn Thanh	Nam	09/01/1984	02		17	75	Kiểm, năm
44	Nguyễn Khắc	Nam	30/4/1985	02		55	75	Kiểm, năm
45	Nguyễn Thị Thanh	Nga	01/11/1986	02		25	75	Kiểm, năm

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
46	Tạ Thị Bích Ngọc	06/7/1977	02	<i>[Signature]</i>	58	75	Kiểm 1 năm
47	Nguyễn Văn Ngọc	10/8/1987	02	<i>[Signature]</i>	56	70	Kiểm
48	Đỗ Thị Nhiên	10/14/1978	02	<i>[Signature]</i>	35	75	Kiểm 1 năm
49	Lê Đình Phú	20/12/1973	02	<i>[Signature]</i>	38	50	Năm
50	Châu Thị Kim Phụng	12/11/1978	02	<i>[Signature]</i>	61	70	Kiểm
51	Đinh Hữu Phương	09/12/1986	02	<i>[Signature]</i>	52	75	Kiểm 1 năm
52	Nguyễn Thùy Phương	08/5/1983	Đã có Quyết định thôi học				
53	Lê Thị Bích Phượng	27/6/1986	02	<i>[Signature]</i>	64	75	Kiểm 1 năm
54	Nguyễn Thị Minh Phượng	26/6/1974	02	<i>[Signature]</i>	49	725	Kiểm 1 học năm
55	Vũ Ngọc Quân	01/03/1982	02	<i>[Signature]</i>	66	70	Kiểm
56	Trần Thanh Quý	22/02/1983	02	<i>[Signature]</i>	53	70	Kiểm
57	Trần Thị Thúy Quỳnh	10/5/1989	02	<i>[Signature]</i>	65	75	Kiểm 1 năm
58	Trương Văn Sơn	07/10/1984	02	<i>[Signature]</i>	57	75	Kiểm 1 năm
59	Lê Văn Tài	04/4/1976	02	<i>[Signature]</i>	26	725	Kiểm 1 học năm
60	Ngô Thanh Tân	18/9/1983	02	<i>[Signature]</i>	60	75	Kiểm 1 năm
61	Vũ Văn Trường Thắng	10/6/1982	02	<i>[Signature]</i>	50	725	Kiểm 1 học năm
62	Lê Thị Nam Thanh	24/12/1989	02	<i>[Signature]</i>	62	75	Kiểm 1 năm
63	Nguyễn Văn Thành	10/5/1987	02	<i>[Signature]</i>	21	725	Kiểm 1 học năm
64	Lâm Hữu Thành	21/9/1989	02	<i>[Signature]</i>	15	775	Kiểm 1 học năm
65	Nguyễn Xuân Thảo	29/6/1976	02	<i>[Signature]</i>	71	75	Kiểm 1 năm
66	Phan Thông	01/11/1967	02	<i>[Signature]</i>	39	725	Kiểm 1 học năm
67	Nguyễn Thị Thúy	02/02/1978	02	<i>[Signature]</i>	24	75	Kiểm 1 năm
68	Lê Thị Hồng Thúy	29/02/1980	02	<i>[Signature]</i>	3	75	Kiểm 1 năm
69	Phạm Thị Thủy	09/12/1981	03	<i>[Signature]</i>	4	80	Tám
70	Nguyễn Thanh Trà	01/02/1976	Đã có Quyết định thôi học				

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
71	Nguyễn Thị Hồng Trang	10/7/1982	02		13	75	Kiểm 1 năm
72	Nguyễn Thanh Tùng	16/3/1971	Đã có Quyết định thôi học				
73	Vương Thị Tuyết	02/11/1980	02		16	75	Kiểm 1 năm
74	Vũ Văn Ưu	28/02/1969	02		2	5.0	không
75	Trần Thị Ngọc Uyên	12/8/1982	02		6	80	không
76	Đào Thị Minh Vân	30/7/1989	03		23	75	Kiểm 1 năm
77	Trần Thị Cẩm Vân	30/3/1988	02		8	80	không
78	Phan Thị Hồng Vân	02/01/1984	02		18	75	Kiểm 1 năm
79	Nguyễn Thị Xuân	13/10/1982	02		19	75	Kiểm 1 năm

Tổng số học viên theo danh sách: 79 học viên;

Số học viên đủ điều kiện thi: 72 học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi: 05 học viên;

Số bài thi hiện có: 72 bài/ 150 tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Phùng Thị Phương Loan

CÁN BỘ COI THI 02

Đào Anh Dũng

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Ngày 21 tháng 6 năm 2023

Nguyễn Văn Giảng

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày 21 tháng 6 năm 2023

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

Lê Thị Hồng Nhung

TS. Lê Duyên Hà



Nguyễn Thành Dũng